

## **Bài 10**

# CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA (TRUNG QUỐC)

### **Tiết 1 TỰ NHIÊN, DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI**

#### **I. MỤC TIÊU**

Sau bài học, HS cần :

##### **1. Kiến thức**

Biết và hiểu được đặc điểm quan trọng của tự nhiên dân cư và xã hội Trung Quốc ; những thuận lợi, khó khăn do các đặc điểm đó gây ra đối với sự phát triển đất nước Trung Quốc.

## **2. Kĩ năng**

Sử dụng bản đồ (lược đồ), biểu đồ, tư liệu trong bài, liên hệ kiến thức đã học để phân tích đặc điểm tự nhiên, dân cư Trung Quốc.

## **3. Thái độ**

Có thái độ xây dựng mối quan hệ Việt–Trung.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT**

- Bản đồ Địa lí tự nhiên châu Á (hoặc bản đồ Các nước châu Á),
- Tập bản đồ thế giới và các châu lục, trong đó có Trung Quốc,
- Một số ảnh cảnh quan tự nhiên tiêu biểu của Trung Quốc,
- Một số ảnh về con người và đô thị Trung Quốc.

## **III. TRỌNG TÂM CỦA BÀI**

- Vị trí địa lí với đường bờ biển kéo dài tạo thuận lợi cho giao lưu với nước ngoài.
- Sự khác biệt giữa miền Đông, miền Tây về tự nhiên và phân bố dân cư.
- Thuận lợi và khó khăn do các đặc điểm tự nhiên và dân cư mang lại đối với sự phát triển đất nước.

## **IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

*Định hướng bài học :* GV liên hệ với một sự kiện kinh tế, xã hội hoặc quan hệ ngoại giao của Trung Quốc để dẫn tới bài học về Trung Quốc.

### **MỤC I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ LÃNH THỔ**

#### **\* Hoạt động 1 : Tìm hiểu vị trí địa lí và lãnh thổ**

– GV có thể cung cấp cho HS các thông tin về vị trí địa lí, mức độ rộng lớn của lãnh thổ và ảnh hưởng của chúng đến điều kiện khí hậu, sự đa dạng của tự nhiên Trung Quốc ; đến những thuận lợi của việc mở rộng quan hệ với những quốc gia, khu vực có kinh tế đang phát triển nhanh. GV có thể tạo điều kiện cho HS làm việc như sau :

– GV cung cấp cho HS số liệu diện tích của LB Nga (khoảng 17,1 triệu km<sup>2</sup>), Ca-na-đa (khoảng 9,97 triệu km<sup>2</sup>), Hoa Kỳ khoảng 9,63 triệu km<sup>2</sup> và của Trung Quốc, yêu cầu HS so sánh để thấy sự rộng lớn của lãnh thổ Trung Quốc, có thể so sánh thêm với Việt Nam.

Tiếp theo, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm với lược đồ trong SGK kết hợp sử dụng bản đồ treo tường để xác định vị trí địa lí của Trung Quốc : toạ độ địa lí (tương đối, để suy ra đặc điểm khí hậu) ; các nước láng giềng, đường bờ biển kéo dài và trao đổi về ảnh hưởng của vị trí địa lí, quy mô lãnh thổ đối với thiên nhiên Trung Quốc (cảnh quan ôn đới, cận nhiệt, sự khác biệt giữa vùng ven biển và vùng nội địa,...) và về ý nghĩa kinh tế của hai đặc điểm đó.

GV yêu cầu 1 hoặc 2 HS nhắc lại các ý chính của mục I.

## MỤC II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

### \* **Hoạt động 2 :** Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên

GV hướng dẫn cho HS xác định kinh tuyến  $105^{\circ}$ Đông, có thể cho HS kẻ bằng bút chì vào SGK kinh tuyến  $105^{\circ}$  Đông để phân biệt miền Đông với miền Tây. Sau đó, làm việc ở nhóm với nội dung của các câu hỏi gợi ý được in nghiêng trong mục này. Để thuận tiện cho HS giải quyết từng câu hỏi, GV có thể tách ra thành các câu hỏi nhỏ và ghi trên bảng, ví dụ :

- Địa hình miền Đông (Đ) : *thấp, chủ yếu là đồng bằng phù sa châu thổ màu mỡ : Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung,...*

miền Tây (T) : *cao, các dải núi lớn, cao nguyên và bồn địa : Thiên Sơn, Côn Luân, Nam Sơn, Thanh Hải, Tây Tạng ; bồn địa : Ta-rim, Duy Ngô Nhĩ,...*

- Khí hậu Đ/T : .....

- Sông ngòi Đ/T : .....

HS đại diện một số nhóm đọc nhanh kết quả làm việc, các HS khác nghe và đánh giá. GV có thể yêu cầu 1 hoặc 2 HS so sánh với kết quả của nhóm khác và tự đánh giá kết quả của nhóm mình.

HS cần nêu được sự khác biệt về địa hình, khí hậu (Đ : đồng bằng, đồi núi thấp ; khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới gió mùa, lượng mưa tương đối lớn ; T : chủ yếu núi, cao nguyên và bồn địa ; khí hậu ôn đới lục địa khô hạn và khí hậu núi cao) ; sông ngòi (Đ : hạ lưu các sông lớn, đồi dào nước ; T : nguồn sông tập trung ở một vài vùng núi và cao nguyên, ít sông) có thể cả cảnh quan của miền Đông (rừng và các khu vực đã được khai thác cho nông nghiệp) với miền Tây (rừng, đồng cỏ xen nhiều vùng hoang mạc và bán hoang mạc).

HS cần nêu được tác động tích cực của những điều kiện tự nhiên đối với kinh tế (đồng bằng phù sa màu mỡ, nguồn nước phong phú ; khí hậu thích hợp cho trồng cây ôn đới ở phía bắc, cây cận nhiệt ở phía nam ; tài nguyên khoáng sản có

nhiên liệu, quặng sắt ở phía bắc, quặng kim loại màu ở phía nam phục vụ cho công nghiệp của miền Đông ; đồng cỏ chăn nuôi gia súc, khoáng sản cho công nghiệp của miền Tây) và những khó khăn đối với phát triển kinh tế (diện tích khô hạn lớn ở miền Tây, bão lụt ở đồng bằng Hoa Nam...).

### MỤC III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

#### \* **Hoạt động 3 :** Tìm hiểu về dân cư và xã hội

GV có thể áp dụng hình thức làm việc cả lớp, kết hợp yêu cầu cho HS nhận xét các hình trong SGK ở mục III để tự rút ra nhận xét về :

– Sự gia tăng dân số rất lớn của Trung Quốc từ 1949 đến 1975 (đường đồ thị dốc).

– Mức độ gia tăng dân số giảm trong vòng 30 năm gần đây (tỉ suất gia tăng giảm, chỉ còn 0,6%, đường đồ thị bớt dốc) ; tỉ lệ dân số nông thôn tăng chậm, tỉ lệ dân số đô thị tăng nhanh.

– Sự tập trung dân cư đông đúc ở miền Đông, nhất là trên các đồng bằng châu thổ và vùng ven biển. Các thành phố lớn cũng tập trung ở miền này.

Tiếp sau đó, GV phân tích cho HS thấy được lí do của việc giảm tốc độ gia tăng dân số, cần đề cập đến cả mặt trái của chính sách dân số ngặt nghèo của Trung Quốc, dẫn đến sự mất cân bằng về giới, số lượng nam có xu hướng lớn hơn số lượng nữ ; đề cập đến chính sách giáo dục và kết quả của nó là đã tạo nên đội ngũ lao động có chất lượng.

Cuối cùng, GV có thể cho HS trao đổi theo nhóm hoặc cả lớp về nền văn minh lâu đời của Trung Quốc, căn cứ vào bảng thống kê các phát minh lớn có ý nghĩa đối với thế giới của Trung Quốc trong SGK và liên hệ kiến thức mà HS đã học về nền văn minh cổ đại của Trung Quốc.

Cuối giờ, GV cần yêu cầu HS nêu tóm tắt các ý chính của cả bài.

GV có thể chốt bài với ý : Trung Quốc với các tiềm năng về thiên nhiên và con người của mình đang phấn đấu vươn lên tham gia vào đội ngũ các quốc gia có nền kinh tế chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới, để gợi mở cho bài mới sắp tới.

## V. THÔNG TIN

### 1. Giải đáp câu hỏi khó trong SGK

Câu 1. GV cho HS sử dụng lược đồ (bản đồ) để nêu được các đồng bằng ở miền Đông ; các dãy núi, cao nguyên, bồn địa ở miền Tây.

Câu 2. HS cần liên hệ những yếu tố ảnh hưởng tới đặc điểm phân bố dân cư như nguồn nước, địa hình, khí hậu,...để giải thích sự phân bố dân cư rất chênh lệch giữa các miền của Trung Quốc.

Câu 3. HS cần phân tích được một số tác động tích cực như giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên, dân số dân tiến tới sự ổn định,...và tác động tiêu cực đến tình hình dân số như sự chênh lệch về giới trong dân cư.

## 2. Thông tin bổ sung

– Về tài nguyên thiên nhiên, Trung Quốc tự đánh giá là không thật đầy đủ cho phát triển kinh tế đất nước, mặc dù trữ lượng của nhiều loại khoáng sản là rất lớn, ví dụ :

- + Than, trong đó than đá 296 tỉ tấn, tập trung chủ yếu ở vùng Đông Bắc.
- + Dầu mỏ khoảng 3 tỉ tấn, chủ yếu ở các vùng Đông Bắc, Tây Bắc.
- + Khí tự nhiên khoảng 200 tỉ m<sup>3</sup> ở các vùng Đông Bắc, Tây Bắc.
- + Quặng sắt khoảng 40 tỉ tấn ở các vùng Đông Bắc, Nội Mông, trung lưu Trường Giang.
- + Kim loại màu quý hiếm ở miền núi phía nam Trường Giang.
- + Nguồn thuỷ điện tại thượng lưu, trung lưu các sông lớn (hiện Trung Quốc đang xây dựng nhà máy thuỷ điện Tam Hiệp lớn nhất thế giới trên sông Trường Giang).

– Về dân số, Trung Quốc đã thực hiện tốt kế hoạch hoá dân số. Tuy vậy, với số dân trên 1,3 tỉ người, Trung Quốc vẫn là quốc gia đông dân nhất thế giới. Dân số đông, tạo áp lực nghiêm trọng cho việc đào tạo nghề và chuẩn bị việc làm. Nếu không giải quyết được vấn đề này thì áp lực dân số sẽ hạn chế tốc độ phát triển kinh tế. Tình trạng già tăng người thất nghiệp (do không tìm được việc làm và do phải thôi việc) phản ánh phần nào tác động tiêu cực của sự già tăng dân số. Dân số quá đông còn dẫn tới việc giải quyết tình trạng đói nghèo sẽ gặp khó khăn hơn do số lượng người nghèo quá lớn...